

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-PT
Ngày 19-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Ương.

Bà Nông Biên Hoà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Thanh Chuyên, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Diệu Linh, Kiểm sát V

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Nông Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Bị cáo có kháng cáo:

Nông Thị N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1987 tại xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nơi đăng ký thường trú: Xóm Lũng Kít, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở: Tổ 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S, sinh năm 1954 và bà Lương Thị T, sinh năm 1954; có chồng là Lục Văn T1, sinh năm 1989 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-02-2019 đến ngày 27-02-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Thị V không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06 tháng 02 năm 2019, tại khu vực xóm N1, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đoàn biên phòng C, huyện T phát hiện có 02 người điều khiển xe mô tô đi theo hướng từ mốc biên giới 771 ra thị trấn T, huyện T có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra xác định được người điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α biển kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS) 11B1-290.90 trên xe chở một thùng cát tông là Nông Thị N, sinh năm 1987, tạm trú tại tổ 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, còn người điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 11F1-2491 trên xe chở hai thùng cát tông là Nguyễn Thị V, sinh năm 1985, cư trú tại xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng, N và V khai bên trong các thùng cát tông là pháo các loại do N và V mua từ Trung Quốc vận chuyển về Việt Nam, tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 11B1- 290.90 màu sơn đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 11F1-2491 màu trắng mạn; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng.

Ngày 06-02-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Vật chứng thu giữ của Nông Thị N có khối lượng 20 (hai mươi) ki lô gam, vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị V có khối lượng 25 (hai mươi năm) ki lô gam.

Ngày 12-02-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 18 trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an

giám định pháo nổ. Tại Kết luận giám định số: 715/C09-P2 ngày 12-02-2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Mẫu vật gửi giám định có ký hiệu T1 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ); Các mẫu vật gửi giám định ký hiệu T2, T3, T4 và T6 đều là pháo nổ”.

Tại cơ quan điều tra, Nông Thị N và Nguyễn Thị V khai: Khoảng 09 giờ sáng ngày 06-02-2019, N và V gặp nhau tại chợ thị trấn T và rủ nhau đi chợ Trung Quốc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N và V xuất phát từ nhà V ở xóm P, xã C, huyện T, mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đi theo hướng vào xóm N1, xã C, huyện T rồi theo đường bê tông lên mốc 771 biên giới Việt Nam - Trung Quốc, sau đó hai người tiếp tục vượt qua mốc 771 đi sâu vào địa phận Trung Quốc khoảng 01 ki lô mét thì N và V dừng xe ở cạnh đường rồi vào hỏi mua quýt với một người phụ nữ Trung Quốc. Sau khi cắt được 03 nửa bao tải quýt, N và V mang quýt ra cạnh đường để cân. Trong khi V đang trả tiền mua quýt thì N đặt lên khung xe của mình một nửa bao tải quýt rồi đi trước một đoạn theo hướng về Việt Nam, N thấy một người đàn ông Trung Quốc đang bày bán pháo trên một chiếc xe lam ở cạnh đường, N dừng xe lại xem và cầm 01 dây pháo tép lên hỏi giá bán, người đàn ông Trung Quốc trả lời: “01 dây pháo tép là hai đồng, cả thùng một trăm dây giá hai trăm đồng”. Sau khi trả tiền mua quýt xong, V đi đến chỗ N đang hỏi mua pháo, V hỏi giá và chọn mua các loại pháo gồm: 10 quả pháo to hình trụ, mỗi quả 02 nhân dân tệ, 20 dây pháo tép mỗi dây 01 nhân dân tệ; 04 bánh pháo dây mỗi bánh 20 nhân dân tệ; 01 thùng pháo trứng giá 300 nhân dân tệ. Tổng số tiền mua pháo của V là 420 nhân dân tệ. Sau đó người Trung Quốc lấy cho V 02 thùng cát tông và xếp pháo vào thùng rồi cho quýt lên bên trên. Lúc V chuẩn bị trả tiền cho người bán pháo thì N nói với V “Bây giờ tao không đủ tiền, mày trả cho tao trước rồi tao trả mày sau”, V hỏi của N hết bao nhiêu tiền thì N trả lời là hai trăm đồng rồi N đưa cho V 90 nhân dân tệ, V cầm tiền của N và trả cho người đàn ông Trung Quốc 620 nhân dân tệ, trong đó số pháo của N mua hết 200 nhân dân tệ, của V mua hết 420 nhân dân tệ. Sau khi buộc thùng pháo lên xe xong, N và V đi theo đường

cũ vượt qua mốc 771 về Việt Nam, khi đến khu vực xóm N1, xã C, huyện T thì bị tổ công tác Đồn biên phòng C bắt quả tang.

Nông Thị N khai mục đích mua pháo về để bán lại cho người khác kiếm lời do trước đó khoảng 08 giờ sáng ngày 04-02-2019 (ngày 30 tết) N gặp một người đàn ông ở gần Bưu điện huyện T, người này tự giới thiệu là lái xe container và nhờ N mua một thùng pháo tếp, N hỏi tên và số điện thoại nhưng người đó không nói tên, cũng không cho số điện thoại mà chỉ nói 07 giờ tối ngày mùng 02 tết mang pháo lên dốc Kéo Lùm thì người đó sẽ đến lấy. Đến ngày 06-02-2019 (mùng 02 tết) N cùng V sang Trung Quốc mua pháo vận chuyển về Việt Nam thì bị bắt quả tang. Từ lúc gặp V rủ nhau đi Trung Quốc rồi mua pháo vận chuyển về Việt Nam đến lúc bị bắt quả tang N không nói cho V biết mục đích mua pháo nên V cũng không biết N mua pháo để làm gì.

Nguyễn Thị V khai mục đích mua pháo về để đốt trong dịp thanh minh mùng 3 tháng 3 âm lịch.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 23-5-2019 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Thị N 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-02-2019 đến ngày 27-02-2019.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 30-5-2019, bị cáo Nông Thị N gửi đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Nông Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do mức hình phạt bản án sơ thẩm quyết định đối với bị cáo quá nặng, bị cáo hiện đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi lại hay đau ốm,

chồng đi làm công nhân ở xa và khai nhận về hành vi sang Trung Quốc mua pháo vận chuyển về Việt Nam như nội dung của bản án sơ thẩm nhưng mục đích không phải để bán lại kiếm lời mà mua về để đốt, trước đây bị cáo khai mua về bán là do lo sợ nên khai không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Bị cáo Nông Thị N gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ. Về nội dung: Ngày 06-02-2019, N cùng với Nguyễn Thị V sang Trung Quốc mua 01 thùng pháo tếp có khối lượng 20 (hai mươi) ki lô gam vận chuyển về Việt Nam, khi N và V vận chuyển pháo đến khu vực xóm N1, xã C, huyện T thì bị tổ công tác Đoàn biên phòng C bắt quả tang, Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với vật chứng thu giữ của N là pháo nổ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm N khai mua pháo về bán lại kiếm lời, tuy nhiên lời khai nhận tội mua pháo về bán lại kiếm lời của bị cáo là chứng cứ duy nhất, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh lời khai của bị cáo là có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm k khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị N 04 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 98 của Bộ luật Tố tụng hình sự “*Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm căn cứ duy nhất để buộc tội, kết tội*” nên cần chuyển sang tội khác phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Thị N, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng; áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông Thị N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo Nông Thị N không có lời bào chữa, trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nông Thị N tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm và có đủ căn cứ kết luận: Ngày 06-02-2019, Nông Thị N đi chợ gặp Nguyễn Thị V gần Bưu điện huyện T, N và V rủ nhau đi chợ Trung Quốc. Khoảng 16 giờ cùng ngày, N và V mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đi từ xóm P, xã C, huyện T qua mốc 771 sang Trung Quốc mua quýt với một người phụ nữ tại vườn. Sau khi mua quýt xong, trên đường quay về Việt Nam N và V mua pháo với một người đàn ông Trung Quốc đang bán pháo ở cạnh đường, N mua 01 thùng pháo tép có khối lượng 20 ki lô gam với giá 200 nhân dân tệ, khi N đang vận chuyển pháo về đến khu vực xóm N1, xã C thì bị bộ đội biên phòng bắt quả tang, Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định vật chứng thu giữ của Nông Thị N là pháo nổ. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, N khai mua số pháo này về bán lại cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ để kiếm lời. Mặc dù trước đó N khai mua pháo về để bán lại kiếm lời nhưng các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm thể hiện ngày 06-02-2019 N và V rủ nhau đi chợ Trung Quốc không trao đổi, bàn bạc gì đến việc mua pháo cũng như mục đích của việc mua pháo do trước đây N và V đã nhiều lần cùng nhau đi chợ Trung Quốc bán nông sản và mua hàng từ Trung Quốc đem về chợ thị trấn T để bán kiếm lời. Tại các Bản tự khai, Biên bản hỏi cung đối với N thì N xác định N chỉ rủ V đi chợ, không rủ V đi mua pháo, việc N mua pháo để làm gì thì V không biết. Tại các Bản tự khai, Biên bản hỏi cung đối với Nguyễn Thị V, V đều khẳng định từ lúc rủ nhau đi chợ, trên đường sang Trung Quốc mua hàng đến khi mua quýt xong quay trở về mua pháo ở cạnh đường thì giữa hai người không bàn bạc, trao đổi gì đến việc mua pháo, V cũng không biết mục đích N mua pháo để làm gì, còn người đàn ông nhờ N mua pháo cơ quan điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể để điều tra xác minh làm rõ mục đích phạm tội của N. Như vậy, ngoài lời khai của Nông Thị N mua pháo về để

bán lại kiếm lời ra thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh lời khai của bị cáo là có căn cứ. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về lời khai của bị can, bị cáo như sau:

“Điều 98. Lời khai của bị can, bị cáo.

2. Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án.

Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội”.

Từ quy định nêu trên thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm sử dụng lời nhận tội duy nhất của bị cáo Nông Thị N để kết tội bị cáo phạm tội buôn bán hàng cấm là chưa chính xác, chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 98 của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc không được sử dụng lời khai nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội nên cần thay đổi tội danh cho phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Nông Thị N mua pháo ở Trung Quốc rồi vận chuyển về Việt Nam phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, với lời khai của bị cáo và của Nguyễn Thị V. Do vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Nông Thị N đã phạm tội vận chuyển hàng cấm với tình tiết định khung vận chuyển qua biên giới được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nông Thị N.

Do tội vận chuyển hàng cấm quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là tội nhẹ hơn tội buôn bán hàng cấm quy định tại điểm k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự nên hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo là nặng, mặt khác bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, về tình tiết giảm nhẹ: Mặc dù bị cáo thay đổi lời khai nhưng sự thay đổi này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên bị cáo vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố bị cáo là ông Nông Văn S có thành tích trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công Hạng ba, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, việc không bắt bị cáo cách ly không gây nguy hiểm cho xã hội nên cần chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nông Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Thị N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 23-5-2019 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào điểm k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Thị N 03 (ba) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 19-7-2019. Giao bị cáo Nông Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND nơi bị cáo ĐKKHKT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân